

PHÂN TÍCH SWOT VỀ THỰC TRẠNG SẢN XUẤT LÚA HỮU CƠ TẠI TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Trần Hồng Hiếu¹, Tôn Nữ Hải Âu¹

Ngày nhận bài: 05/10/2023

Ngày nhận bản sửa: 23/11/2023

Ngày duyệt đăng: 29/12/2023

Tóm tắt. Nghiên cứu này sử dụng phương pháp phân tích SWOT kết hợp với thang đo Likert để thu thập ý kiến của chuyên gia và các bên liên quan. Mục tiêu là phân tích và lượng hóa về điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức trong thực trạng sản xuất lúa hữu cơ tại Tỉnh Thừa Thiên Huế. Bảo đảm đầu ra ổn định được xác định là điểm mạnh quan trọng nhất trong sản xuất lúa hữu cơ, theo đánh giá từ phía các chuyên gia với điểm số bình quân là 3,69. Liên kết trong tiêu thụ lúa hữu cơ giúp bảo vệ quyền lợi cho nông dân trước tác động của biến động thị trường như tình trạng thương lái ép giá hay được mùa mất giá. Đối với điểm yếu, các chuyên gia nhất trí rằng vấn đề lớn nhất ảnh hưởng đến quá trình sản xuất lúa hữu cơ là quản lý cỏ dại, được đánh giá với điểm số trung bình là 4,23. Với điểm số là 4,0, hoạt động của các công ty sản xuất và chế biến nông sản hữu cơ như Quế Lâm và Huế Việt được đánh giá đem đến cơ hội lớn để thúc đẩy quá trình hình thành và phát triển sản xuất lúa hữu cơ tại Tỉnh. Thách thức lớn nhất theo đánh giá của các chuyên gia là “Thiếu thông tin thị trường về lúa hữu cơ (giá cả, người bán, nhãn hiệu)” với điểm trung bình là 4,0. Dựa trên kết quả nghiên cứu này, một số gợi ý về giải pháp để phát triển sản xuất lúa hữu cơ trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế đã được đề xuất.

Từ khóa: SWOT; Lúa hữu cơ; Thừa Thiên Huế; Thang đo Likert.

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh Việt Nam ngày càng tập trung vào việc thúc đẩy phát triển nông nghiệp bền vững, nông dân trồng lúa đang tích cực thực hiện các biện pháp thân thiện với môi trường như canh tác hữu cơ, quản lý dịch hại tổng hợp, và sử dụng hệ thống tưới tiết kiệm nước. Những nỗ lực này không chỉ góp phần bảo vệ môi trường mà còn tăng cường chất lượng và giá trị dinh dưỡng của lúa gạo. Điều này đồng thời mang lại lợi ích kinh tế, nâng cao thu nhập cho nông dân và đáp ứng nhu cầu về thực phẩm an toàn từ phía người tiêu dùng.

¹ Trường Đại học Kinh tế, Đại học Huế, email: tranhonghieus@hce.edu.vn

Theo số liệu của Viện nghiên cứu nông nghiệp hữu cơ - FiBL (2023), năm 2021 Việt Nam có tỷ lệ đất nông nghiệp hữu cơ (NNHC) chiếm 0,6% trên tổng diện tích đất nông nghiệp. Diện tích đất NNHC năm 2021 tăng 13,8%, tương đương 9.020 ha so với năm 2020, đạt 65.520 ha. Trong giai đoạn 2010-2021, đất NNHC của Việt Nam đã tăng 38.254,5 ha trong 10 năm, tức là tăng 105,4%. Năm 2021, Việt Nam có khoảng 12.453 nhà sản xuất hữu cơ, 3.314 công ty chế biến nông sản hữu cơ và 60 công ty xuất khẩu liên quan đến NNHC.

Sau 3 năm thực hiện Nghị định số 109/2018/NĐ-CP của Chính phủ về Nông nghiệp hữu cơ, số tỉnh, thành phố thực hiện NNHC đã tăng đáng kể từ 46/63 tỉnh năm 2018 lên 57/63 tỉnh vào năm 2021. Con số này ước tính đến cuối năm 2022 là 62/63 tỉnh, thành phố. Sau khi Chính phủ Phê duyệt Đề án phát triển nông nghiệp hữu cơ giai đoạn 2020-2030, nhiều tỉnh đã ban hành chương trình phát triển NNHC địa phương. Trong đó, 13 tỉnh đã ban hành chương trình thực hiện Chương trình Nông nghiệp hữu cơ quốc gia, 10 tỉnh ban hành chương trình phát triển hữu cơ riêng và 38 tỉnh có chương trình lồng ghép với các chương trình phát triển nông nghiệp khác của địa phương (FiBL, 2023).

Trong sản xuất lúa, tỉnh Thừa Thiên Huế đã mạnh dạn thay đổi từ mô hình trồng lúa truyền thống sang trồng lúa hữu cơ và theo hướng hữu cơ thí điểm ở một số khu vực. Mô hình này đã và đang triển khai chủ yếu trên địa bàn các huyện Phong Điền, Quảng Điền, Phú Vang và thị xã Hương Thủy. Kết quả cho thấy đã có những đơn vị và nông hộ tổ chức sản xuất lúa hữu cơ mang lại những kết quả tích cực. Tuy nhiên, diện tích lúa hữu cơ còn nhỏ, chưa tập trung, và việc triển khai thực hiện sản xuất lúa hữu cơ đang gặp nhiều khó khăn nhất định.

Sản xuất lúa hữu cơ tại tỉnh Thừa Thiên Huế vẫn là mô hình mới và được áp dụng thử nghiệm. Vì vậy, việc tìm hiểu tình hình sản xuất, phân tích điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức trong phát triển sản xuất lúa hữu cơ trên địa bàn Tỉnh cần được tiến hành nhằm cung cấp thêm những dữ liệu cần thiết cho các nhà làm chính sách. Từ đó, giúp chuyển đổi mô hình sản xuất lúa truyền thống qua sản xuất hữu cơ phù hợp, cải thiện môi trường sống và giúp người dân bảo vệ sức khỏe khỏi các tác động của phân bón và thuốc hóa học.

2. Tổng quan nghiên cứu

Cho đến nay, đã có nhiều nghiên cứu trên thế giới ghi nhận những lợi ích và thách thức của canh tác hữu cơ nói chung như nghiên cứu của Walter Schneeberger và cộng sự (2002) ở Áo; Niemeyer và Lombard (2003) ở Nam Phi. Đặc biệt, hoạt động canh tác lúa hữu cơ cũng đã được nhiều nhà khoa học phân tích không những về khía cạnh môi trường mà còn về kinh tế, xã hội (Teodoro, 2004; Itthiphon, 2009; K. Surekha và cộng

sự, 2010; Sa, 2011; Rada Khoy và cộng sự, 2016; T Karyani và cộng sự 2018; Bunga Hidayati và cộng sự, 2019). Tuy nhiên, phần lớn các nghiên cứu này chỉ tập trung vào các lợi ích mà ít quan tâm đến những thách thức của nó.

Rada Khoy, Teruaki Nanseki, và Yosuke Chomei (2017) đã phân tích cả về cơ hội và thách thức của hoạt động này. Tuy nhiên, nghiên cứu này chủ yếu tập trung vào ý kiến của nông dân ở Campuchia mà bỏ qua quan điểm của các chuyên gia, những người có thể có những kiến thức và phân tích sâu hơn về những vấn đề này. Kết quả cho thấy hầu hết nông dân chỉ biết rằng sản phẩm được sản xuất theo hướng hữu cơ sẽ có giá thị trường cao hơn, các tiêu chuẩn về sức khỏe và môi trường cũng được cải thiện hơn. Họ hiếm khi đề cập đến những lợi ích khác, chẳng hạn như cải tạo đất và giảm chi phí. Nông dân nhận thức rằng sản xuất thâm dụng lao động và thiếu phân bón hữu cơ là những thách thức chính trong canh tác hữu cơ.

T Karyani và cộng sự (2018) đã áp dụng phân tích SWOT để khám phá các yếu tố nội tại và ngoại tác ảnh hưởng đến sự phát triển của lúa gạo hữu cơ tại Nurani Sejahtera Farmers Group. Từ đó, ma trận IFE và EFE được sử dụng để đề xuất chiến lược phát triển phù hợp nhất. Trong số 6 điểm mạnh, 4 điểm yếu, 3 cơ hội và 4 thách thức mà nhóm nghiên cứu đã chỉ ra, điểm mạnh được đánh giá cao nhất là “Người nông dân có động lực đủ cao để tiếp tục canh tác lúa hữu cơ”, trong khi điểm yếu lớn nhất là “Chi phí lao động trong sản xuất tương đối cao”. “Hỗ trợ từ Chính phủ để thúc đẩy canh tác hữu cơ và bảo vệ môi trường” được xác định là cơ hội quan trọng nhất. Cuối cùng, “Thay đổi thời tiết và các vấn đề thiên tai xảy ra ở Indonesia” được nhận định là thách thức lớn nhất.

Tại Việt Nam, số nghiên cứu về hoạt động sản xuất hữu cơ nói chung và lúa gạo hữu cơ nói riêng vẫn còn hạn chế. Nguyễn Văn Thành và cộng sự (2020) đã đề cập đến những thuận lợi và khó khăn trong sản xuất lúa hữu cơ của nông hộ ở xã Phú Lương, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế. Tuy nhiên, nghiên cứu này vẫn chưa phân tích cụ thể điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức trong quá trình sản xuất lúa hữu cơ. Đặc biệt, chưa có nghiên cứu nào lượng hóa mức độ quan trọng của từng điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức của hoạt động này để có những đề xuất về gợi ý chính sách phù hợp nhằm phát triển và mở rộng hơn nữa hoạt động sản xuất lúa hữu cơ. Để giải quyết khoảng trống này, nghiên cứu hướng đến phân tích SWOT thực trạng sản xuất lúa hữu cơ trên địa bàn Tỉnh Thừa Thiên Huế và định lượng mức độ quan trọng của từng yếu tố.

3. Phương pháp nghiên cứu

3.1. Phương pháp thu thập số liệu

3.1.1. Số liệu thứ cấp

Nghiên cứu thu thập và phân tích số liệu thứ cấp chủ yếu từ các bài báo khoa học được công bố trong và ngoài nước. Các dữ liệu thứ cấp khác được tổng hợp thông qua báo cáo từ các cơ quan ban ngành của tỉnh Thừa Thiên Huế như Sở NN&PTNT, Trung tâm khuyến nông và Hội Nông nghiệp hữu trong giai đoạn từ 2018 đến 2023. Ngoài ra, các tài liệu học thuật như luận án, luận văn, sách, và các nguồn thông tin khác cũng được xem xét và phân tích để cung cấp cơ sở lý luận chặt chẽ cho nghiên cứu.

3.1.2. Số liệu sơ cấp

Số liệu sơ cấp của nghiên cứu này được thu thập từ những buổi thảo luận và phỏng vấn sâu chuyên gia và các bên liên quan có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực nông nghiệp hữu cơ của tỉnh Thừa Thiên Huế. Cụ thể, nghiên cứu đã phỏng vấn 13 chuyên gia đến từ Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (NN&PTNT) tỉnh Thừa Thiên Huế, Sở Khoa học và Công nghệ (KH&CN), Hội Nông nghiệp hữu cơ, Trung tâm Khuyến nông, Hợp tác xã (HTX) nông nghiệp, và các giảng viên tại Khoa Nông học, trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế. Qua quá trình này, chúng tôi kỳ vọng đạt được cái nhìn đa chiều và sâu sắc về các khía cạnh quan trọng trong sản xuất lúa hữu cơ từ các chuyên gia và những người có ảnh hưởng trong cộng đồng nghiên cứu.

3.2. Phương pháp phân tích số liệu

3.2.1. Phương pháp SWOT

Phương pháp phân tích tổng quan lý thuyết thông qua việc tổng hợp số liệu thứ cấp và tiến hành khảo sát thực địa đóng vai trò quan trọng trong việc xác định yếu tố Strength (Điểm mạnh), Weakness (Điểm yếu), Opportunity (Cơ hội), và Threat (Thách thức) trong quá trình sản xuất lúa hữu cơ tại tỉnh Thừa Thiên Huế. Kết hợp với kết quả nghiên cứu, một danh sách SWOT được thiết lập và đưa vào thảo luận để lấy ý kiến đồng ý hay không đồng ý từ các chuyên gia và bên liên quan. Dựa trên những ý kiến này, một danh sách cuối cùng gồm các điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức đã được xây dựng. Sau đó, một bảng hỏi được thiết kế để lượng hóa mức độ quan trọng của mỗi yếu tố và thông qua cuộc phỏng vấn trở lại với các chuyên gia và bên liên quan.

Nhằm thu thập ý kiến từ các chuyên gia và các bên liên quan về mức độ quan trọng của điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức trong quá trình phát triển sản xuất lúa hữu cơ, nghiên cứu này đã áp dụng phương pháp đánh giá sử dụng thang đo Likert với điểm từ 1 đến 5, cụ thể như sau:

Đối với đánh giá và xếp hạng điểm mạnh: Điểm cao nhất (5) được gán cho yếu tố nổi trội nhất, trong khi điểm thấp nhất (1) được dành cho yếu tố ít nổi trội nhất.

Đối với đánh giá và xếp hạng điểm yếu: Điểm 5 được chỉ định cho yếu tố yếu nhất.

Đối với đánh giá và xếp hạng cơ hội: Cơ hội thuận lợi và khả thi nhất được đánh giá bằng điểm tối đa là 5.

Đối với đánh giá và xếp hạng thách thức: Yếu tố gây thách thức và đe dọa nhất được đánh giá bằng điểm tối đa là 5.

3.2.2. Phương pháp thống kê mô tả và phương pháp so sánh

Phần mềm Excel 2010 được áp dụng để xử lý số liệu, vẽ sơ đồ mạng nhện (Radar Charts) và phương pháp thống kê mô tả được dùng để phân tích số liệu thu thập được.

4. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

4.1. Tổng quan về sản xuất nông nghiệp hữu cơ của tỉnh Thừa Thiên Huế

4.1.1. Tình hình phát triển nông nghiệp trên địa bàn Tỉnh

Diện tích đất nông nghiệp năm 2021 của tỉnh Thừa Thiên Huế là 401.219 ha (chiếm 81,1% tổng diện tích đất của Tỉnh) (Bộ TN&MT, 2023). Toàn Tỉnh có hơn 170.000 lao động hoạt động trong ngành sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp. Năm 2021, tốc độ tăng trưởng của ngành đạt 3,62% với sản xuất nông nghiệp chiếm 44,4%, lâm nghiệp 6,5%, thủy sản 45,3% và dịch vụ nông lâm nghiệp 3,8% trong cơ cấu ngành.

Lúa là cây trồng chủ lực và chiếm diện tích lớn nhất ở 7 trên 8 huyện, thị xã của tỉnh Thừa Thiên Huế. Diện tích đất trồng lúa năm 2021 là 31.870 ha, chiếm 46,73% diện tích đất sản xuất nông nghiệp của Tỉnh (Bộ TN&MT, 2023). Sản lượng lúa trung bình hàng năm giai đoạn 2015-2021 đạt khoảng 327,8 nghìn tấn, năng suất lúa trung bình hàng năm đạt trên 60 tạ/ha. Lúa chất lượng cao hiện chiếm khoảng 31% trong cơ cấu lúa của Tỉnh. Tỉnh Thừa Thiên Huế cũng đã hình thành được vùng sản xuất lúa hàng hóa theo mô hình cánh đồng lớn với diện tích hơn 8.000 ha (Sở NN&PTNT Tỉnh, 2023).

Trong những năm qua, sản xuất nông nghiệp của Tỉnh đã có những bước phát triển khá toàn diện khi tích cực chuyển đổi theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung, nâng cao chất lượng, giá trị nông sản và chú trọng ứng dụng công nghệ cao trong các hoạt động sản xuất nông nghiệp. Một số mô hình sản xuất nông nghiệp công nghệ cao bước đầu được xây dựng và hình thành như mô hình sản xuất nông nghiệp theo tiêu chuẩn VietGAP, mô hình sản xuất nông nghiệp hữu cơ, sản xuất các loại cây nông nghiệp có giá trị cao trong nhà kính...

4.1.2. Chủ trương của tỉnh Thừa Thiên Huế về sản xuất nông nghiệp hữu cơ

Sản xuất nông nghiệp hữu cơ được xem là giải pháp phát triển, tái cơ cấu nông nghiệp gắn với thế mạnh về du lịch, dịch vụ của Thừa Thiên Huế. Đại hội Đảng bộ Tỉnh

lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2020-2025 đề ra phương hướng phát triển nông nghiệp toàn diện gắn với xây dựng nông thôn mới, trong đó, chú trọng cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, tăng năng suất, chất lượng, giá trị sản phẩm nông sản và ưu tiên phát triển sản xuất nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp công nghệ cao, liên kết chuỗi giá trị, gắn với thị trường tiêu thụ, thích ứng với biến đổi khí hậu. Từ đó, sản xuất nông nghiệp hữu cơ của Tỉnh đã được định hình và từng bước đi vào ổn định. Hiện nay, toàn tỉnh đã xây dựng được một số mô hình sản xuất hữu cơ và sản xuất theo hướng hữu cơ ở lĩnh vực trồng trọt (lúa, đậu tương, dưa hấu, rau...) và chăn nuôi (gà, lợn, bò...). Tỉnh đã dành ngân sách hỗ trợ sau đầu tư từ 15-20 tỷ đồng/năm giúp phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, đi cùng mục tiêu tái cơ cấu nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, từng bước khắc phục tình trạng quy mô sản xuất nhỏ lẻ, manh mún, thiếu ổn định, dễ bị tổn thương do thiên tai, dịch bệnh.

Một số văn bản về lĩnh vực nông nghiệp hữu cơ của Tỉnh Thừa Thiên Huế:

- Nghị quyết số 20/2020/NQ-HĐND ngày 23/12/2020 của HĐND Tỉnh về Quy định một số chính sách khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2021-2025 và Nghị quyết số 30/2021/NQ-HĐND ngày 14/10/2021 của HĐND tỉnh về Sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định kèm theo Nghị quyết số 20/2020/NQ-HĐND.

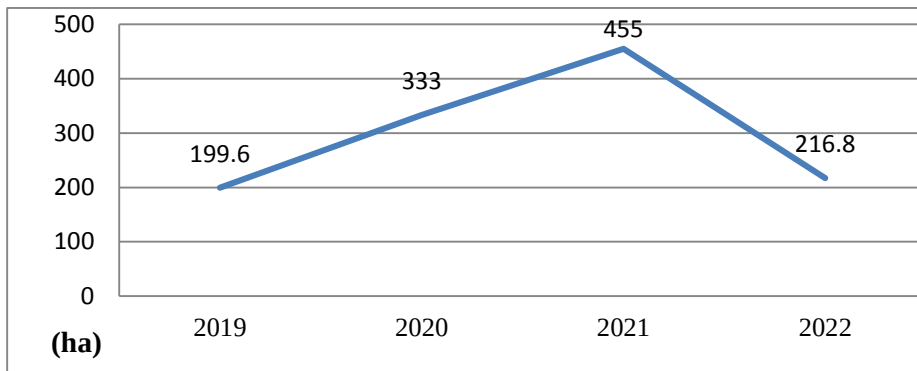
- Quyết định số 3452/QĐ-UBND ngày 29/12/2021 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về quyết định chủ trương đầu tư điều chỉnh Dự án Tổ hợp sản xuất, chế biến nông sản hữu cơ của Công ty Cổ phần Tập đoàn Quế Lâm.

- Quyết định số 839/QĐ-UBND ngày 04/4/2022 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc cho phép thành lập Hội Nông nghiệp hữu cơ tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Quyết định số 1342/QĐ-UBND ngày 06/6/2022 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về phê duyệt đề cương, nhiệm vụ Đề án phát triển nông nghiệp hữu cơ tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2022-2026 và định hướng đến 2030.

4.1.3. Tình hình sản xuất lúa hữu cơ trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế

Năm 2019, diện tích lúa hữu cơ của tỉnh Thừa Thiên Huế là 199,6 ha. Nhờ đẩy mạnh việc liên kết giữa doanh nghiệp và nông dân nhằm tạo thương hiệu gạo hữu cơ sạch, có giá trị cao nên diện tích lúa hữu cơ của Tỉnh đã tăng lên trong 2 năm tiếp theo, lần lượt là 333 ha và 455 ha. Tuy nhiên, năm 2022 lại cho thấy sự sụt giảm trong diện tích lúa hữu cơ của Tỉnh với 216,8 ha.



Hình 1: Diện tích lúa hữu cơ trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2019-2022

Nguồn: Sở NN&PTNT Tỉnh

Đa số các mô hình trồng lúa hữu cơ hiện nay chủ yếu được sản xuất theo hướng hữu cơ, diện tích được chứng nhận hữu cơ trên địa bàn Tỉnh còn rất ít. Từ sự hỗ trợ của dự án “Thích ứng và chống chịu với biến đổi khí hậu tại tỉnh Thừa Thiên Huế” (VIE/433) do Chính phủ Luxembourg tài trợ, 5 ha lúa hữu cơ ở xã Phú Mỹ, huyện Phú Vang đã nhận được chứng nhận PGS (Participatory Guarantee System - chứng nhận hữu cơ theo Hệ thống cùng tham gia đảm bảo chất lượng). Ngoài ra, 21 ha lúa hữu cơ với sự tham gia của 104 hộ sản xuất thuộc HTX sản xuất, kinh doanh, dịch vụ nông nghiệp An Lỗ, thôn An Lỗ, xã Phong Hiền, huyện Phong Điền đã được cấp giấy chứng nhận là sản phẩm hữu cơ phù hợp theo yêu cầu của TCVN 11041-2:2017 Nông nghiệp hữu cơ ngày 19/6/2020 và có hiệu lực đến ngày 18/6/2023.

Tại tỉnh Thừa Thiên Huế, Công ty TNHH MTV Nông sản hữu cơ Quế Lâm (thuộc Tập đoàn Quế Lâm) và Công ty TNHH Hữu cơ Huế Việt là một trong những công ty đầu tiên đã có những bước đi tiên phong trong việc xây dựng các mô hình sản xuất lúa hữu cơ. Đến nay, các mô hình vẫn đang được tiếp tục triển khai và đạt được một số kết quả tích cực. Tuy nhiên, diện tích lúa hữu cơ năm 2022 và dự tính 2023 sẽ tiếp tục giảm so với các năm trước cho thấy việc phát triển các vùng chuyên canh sản xuất lúa hữu cơ của Tỉnh đang gặp phải nhiều khó khăn và thách thức. Vì vậy, việc phân tích điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức trong quá trình chuyển đổi sang sản xuất lúa hữu cơ là cần thiết để tìm ra giải pháp hiệu quả trong quá trình hoạch định, ban hành chính sách khuyến khích các doanh nghiệp, HTX nông nghiệp và hộ nông dân trên địa bàn Tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia chuyển đổi sang sản xuất lúa hữu cơ.

4.2. Phân tích SWOT về thực trạng sản xuất lúa hữu cơ tại tỉnh Thừa Thiên Huế (TTH)

4.2.1. Điểm mạnh (Strengths)

S1. Điều kiện thổ nhưỡng của Tỉnh phù hợp với điều kiện sản xuất lúa hữu cơ.

Các loại đất thuộc nhóm đất phù sa có vai trò đặc biệt quan trọng trong sản xuất lúa của Tỉnh. Theo báo cáo của Sở NN&PTNT tỉnh TTH năm 2023, kết quả khảo sát các mẫu đất trồng lúa và mẫu nước tưới cho lúa tại các vùng trọng điểm sản xuất lúa của tỉnh TTH cho thấy môi trường đất và nước trên địa bàn Tỉnh nhìn chung ở mức an toàn cho sản xuất nông nghiệp hữu cơ. Tất cả các chỉ tiêu phân tích đất về ô nhiễm hữu cơ, kim loại nặng đều ở ngưỡng thấp hơn so với ngưỡng quy định. Chất lượng nước mặt trên địa bàn lấy mẫu cũng đều ở mức đạt, không phát hiện hàm lượng kim loại nặng và coliforms. Do vậy, có thể nói môi trường đất và nước trên địa bàn lấy mẫu có thể đáp ứng được nhu cầu phát triển nông nghiệp hữu cơ của Tỉnh trong thời gian tới.

S2. Đầu ra được đảm bảo tương đối ổn định.

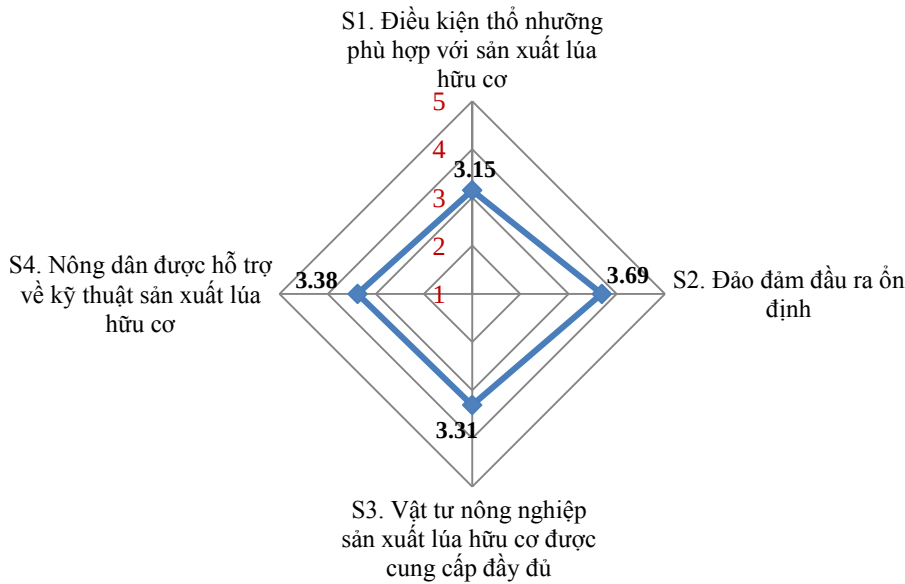
Cho đến thời điểm nghiên cứu vào tháng 9 năm 2023, phần lớn các vùng sản xuất lúa hữu cơ trên địa bàn Tỉnh Thừa Thiên Huế đều có sự liên kết giữa doanh nghiệp với người nông dân thông qua các HTX nông nghiệp. Nhờ vậy, đầu ra của hoạt động sản xuất lúa hữu cơ được đảm bảo tương đối ổn định. Như trường hợp liên kết giữa Công ty TNHH MTV Nông nghiệp Organic Quế Lâm với các hộ nông dân ở xã Thủy Phù, thị xã Hương Thủy để sản xuất lúa hữu cơ từ năm 2016 đến nay. Đại diện cho người nông dân là HTX nông nghiệp Phù Bài ký hợp đồng liên kết sản xuất lúa hữu cơ có sự chứng kiến của đại diện cơ quan chức năng địa phương. Hợp đồng kinh tế này thường được ký vào đầu mỗi vụ sản xuất, trong đó quy định rõ về diện tích gieo trồng lúa hữu cơ, giá thu mua lúa, yêu cầu khi thu hoạch cũng như trách nhiệm của hai bên. Cuối vụ sản xuất, công ty Quế Lâm thu mua toàn bộ lúa hữu cơ cho bà con nông dân với giá cố định đã thỏa thuận trong hợp đồng từ đầu vụ. Ngoài công ty Quế Lâm, Công ty TNHH MTV Hữu cơ Huế Việt cũng có sự liên kết trong sản xuất lúa hữu cơ với HTX nông nghiệp An Lỗ (huyện Phong Điền) và HTX nông nghiệp Phú Mỹ 1 (Huyện Phú Vang). Có thể thấy rõ liên kết trong sản xuất và tiêu thụ lúa hữu cơ giúp người nông dân được bao tiêu đầu ra ổn định, góp phần tăng nguồn thu nhập và phát triển ổn định, bền vững. Trong dài hạn, khi mô hình sản xuất lúa hữu cơ ngày càng được mở rộng, mối liên kết này càng cần phải được tiếp tục duy trì và gia cố thêm mới đảm bảo phát triển hoạt động này một cách bền vững.

S3. Các vật tư nông nghiệp trong quá trình sản xuất lúa hữu cơ (giống, phân bón...) được cung cấp đầy đủ.

Các HTX nông nghiệp đang triển khai mô hình sản xuất lúa hữu cơ trên địa bàn Tỉnh phần lớn đều kết hợp với các tổ chức tham gia sản xuất lúa hữu cơ để cung cấp các vật tư nông nghiệp thiết yếu dùng trong canh tác lúa hữu cơ. Đặc biệt, mô hình liên kết sản xuất lúa hữu cơ giữa các HTX nông nghiệp với công ty Quế Lâm đều được công ty cung cấp vật tư đầu vào gồm giống, phân hữu cơ khoáng Quế Lâm và phân hữu cơ vi sinh Quế Lâm. Giá các loại vật tư nông nghiệp được quy định rõ đầu vụ trong các hợp đồng kinh tế giữa HTX nông nghiệp và công ty Quế Lâm.

S4. Nông dân được hỗ trợ về kỹ thuật sản xuất lúa hữu cơ.

Người nông dân trồng lúa hữu cơ được tập huấn đầy đủ bởi các công ty liên kết như Quế Lâm, Huế Việt để nắm vững về quy trình kỹ thuật sản xuất lúa theo phương pháp hữu cơ. Các yêu cầu kỹ thuật về điều kiện đất đai và nguồn nước tưới, quy trình bón phân, cũng như thu hoạch và bảo quản lúa đều được hướng dẫn cụ thể trong hợp đồng kinh tế ký kết với đại diện HTX nông nghiệp. Các công ty cũng thường xuyên cử cán bộ kỹ thuật về kiểm tra tình hình, phối hợp với cán bộ của HTX để theo dõi, giám sát và hỗ trợ nông dân kịp thời. Ngoài ra, Trung tâm khuyến nông và Sở NN&PTNT Tỉnh cũng thường xuyên mở các buổi tập huấn để tăng cường kiến thức về nông nghiệp hữu cơ nói chung cho hộ nông dân.



Hình 2: Đo lường về điểm mạnh trong sản xuất lúa hữu cơ tại Tỉnh Thừa Thiên Huế

Nguồn: Theo ý kiến đánh giá của các chuyên gia, 2023

Trong 4 điểm mạnh đã được phân tích ở trên, các chuyên gia cho rằng “S2. Sản xuất lúa hữu cơ được liên kết nên bảo đảm đầu ra ổn định” là điểm mạnh quan trọng nhất với điểm số đánh giá bình quân là 3,69. Điều này giúp bảo vệ quyền lợi cho nông dân trước tác động của biến động thị trường (tình trạng thương lái ép giá hay được mùa mất giá). Các điểm mạnh S3 và S4 được chuyên gia đánh giá với số điểm khá tương đương nhau, lần lượt là 3,31 và 3,38, thể hiện những lợi ích mà người nông dân lúa hữu cơ nhận được từ sự hỗ trợ kỹ thuật sản xuất và được cung cấp đầy đủ vật tư nông nghiệp. Điều này giúp tăng cường năng suất và chất lượng của sản phẩm. Cuối cùng, điểm mạnh “S1. Điều kiện thổ nhưỡng của Tỉnh Thừa Thiên Huế phù hợp với điều kiện sản xuất lúa hữu cơ” được đánh giá trung bình là 3,15. Dù chiếm tỷ lệ nhỏ trong tổng diện tích đất tự nhiên của tỉnh, đất phù sa trên địa bàn vẫn có tiềm năng thúc đẩy cho sự phát triển của sản xuất lúa hữu cơ với kỳ vọng về năng suất cao.

4.2.2. Điểm yếu (Weaknesses)

W1. Sản xuất lúa hữu cơ trên địa bàn Tỉnh Thừa Thiên Huế vẫn chủ yếu ở quy mô và phạm vi nhỏ.

Năm 2021, Tỉnh Thừa Thiên Huế có 483 ha diện tích nông nghiệp hữu cơ, trong đó lúa hữu cơ chiếm tới 94,2% với diện tích là 455 ha (Sở NN&PTNT, 2023). Tuy nhiên, diện tích sản xuất lúa hữu cơ cũng chỉ chiếm 1,43% trong tổng diện tích đất trồng lúa toàn Tỉnh. Quy mô sản xuất lúa hữu cơ trên địa bàn Tỉnh nhỏ lẻ, manh mún, được sản xuất bởi nhiều hộ nông dân, nên phần nhiều gây khó khăn trong quá trình chuyển giao kỹ thuật, hỗ trợ vốn đầu tư, giám sát quy trình sản xuất cũng như quảng bá sản phẩm, phát triển thị trường. Trường hợp vùng sản xuất lúa hữu cơ của xã Thủy Phù, thị xã Hương Thủy, mỗi hộ sản xuất lúa hữu cơ có diện tích gieo trồng trung bình chỉ từ 1000 - 3000 m². Ruộng đất manh mún, nhỏ lẻ còn gây khó khăn cho việc tổ chức thành vùng sản xuất lúa hữu cơ tập trung trong dài hạn trên địa bàn Tỉnh. Ngoài ra, vì quy mô nhỏ lẻ, thiếu ổn định nên quá trình sản xuất lúa hữu cơ càng dễ bị tổn thương bởi thiên tai, dịch bệnh và những biến động khó lường của ngành lương thực toàn cầu hiện nay.

W2. Năng suất lúa hữu cơ thấp hơn so với lúa truyền thống.

Kết quả nghiên cứu của Nguyễn Văn Thành và cs. ở xã Thủy Phù, thị xã Hương Thủy và xã Phú Lương, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế cho thấy năng suất lúa hữu cơ năm 2018 ở cả hai địa phương này thấp hơn so với lúa thường lần lượt là 9,2 tạ/ha và 9,4 tạ/ha.

W3. Đòi hỏi nhiều công chăm sóc hơn so với lúa truyền thống.

Quy trình sản xuất lúa hữu cơ yêu cầu khắt khe từ khâu quản lý đất, nước, phân bón, sinh vật gây hại đến khâu kiểm soát cỏ dại, côn trùng gây hại, bệnh hại cũng như

thu hoạch và bảo quản. Việc khó kiểm soát sâu bệnh hay cỏ dại đòi hỏi người nông dân trồng lúa hữu cơ phải đầu tư nhiều công chăm sóc, thường xuyên thăm đồng để xử lý kịp thời những yếu tố gây hại cho ruộng lúa. Ngoài ra, so với sản xuất lúa truyền thống thì trồng lúa hữu cơ sử dụng một lượng lớn phân bón hữu cơ. Để vận chuyển nguồn phân bón hữu cơ cung cấp cho đồng ruộng đặc biệt đối với những cánh đồng có hệ thống giao thông chưa được thuận lợi thì chi phí lao động để vận chuyển, bốc xếp, bón phân rất lớn. Theo kết quả điều tra năm 2023 của nhóm nghiên cứu tại xã Thủy Phù, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế, các hộ trồng lúa theo phương pháp truyền thống tại đây trung bình bỏ ra khoảng 2,96 ngày công/500m²/vụ Đông Xuân, trong khi các hộ trồng lúa hữu cơ đã sử dụng khoảng 4,63 ngày công/500m²/vụ Đông Xuân.

W4. Khó khăn trong quản lý cỏ dại.

Cỏ dại là một trong những loài gây ra tác hại lớn trên ruộng lúa hữu cơ. Mặc dù không gây hại trực tiếp cho cây lúa nhưng nó cạnh tranh không gian, dinh dưỡng, ánh sáng và độ ẩm trong đất nên làm giảm năng suất lúa. Quản lý cỏ dại trong sản xuất lúa hữu cơ sẽ gặp nhiều khó khăn khi không thể phun hóa chất diệt cỏ. Do đó việc làm cỏ bằng phương pháp thủ công hoặc bằng phương pháp cải tiến là rất cần thiết. Ngoài ra cần kết hợp giữa các biện pháp như vệ sinh đồng ruộng, điều chỉnh mực nước thích hợp... để ngăn chặn sự lây lan và phát triển của cỏ dại trên đồng ruộng.

W5. Ý thức tuân thủ quy trình sản xuất lúa hữu cơ của các hộ sản xuất vẫn còn hạn chế do tập quán sử dụng phân bón vô cơ và hóa chất.

Sản xuất lúa hữu cơ là một mô hình tương đối mới so với tập quán canh tác của nông dân. Nhận thức của một bộ phận nông dân về việc xây dựng nền nông nghiệp hữu cơ vẫn chưa cao nên chưa chịu khó chuyển đổi từ cách làm và thói quen sản xuất cũ sang hình thức mới. Điều này làm cho một số mô hình không thể duy trì và mở rộng. Một số hộ nông dân sau một khoảng thời gian thử nghiệm với hướng sản xuất lúa hữu cơ đã quay trở lại áp dụng mô hình sản xuất lúa truyền thống. Điều này có thể là một trong những nguyên nhân dẫn đến tình trạng giảm diện tích lúa hữu cơ trên địa bàn Tỉnh trong thời gian gần đây. Giai đoạn 2019-2022, diện tích lúa hữu cơ của Tỉnh Thừa Thiên Huế có xu hướng tăng trong 3 năm đầu nhưng đến năm 2022, diện tích lúa hữu cơ đã giảm gần một nửa so với năm 2021.

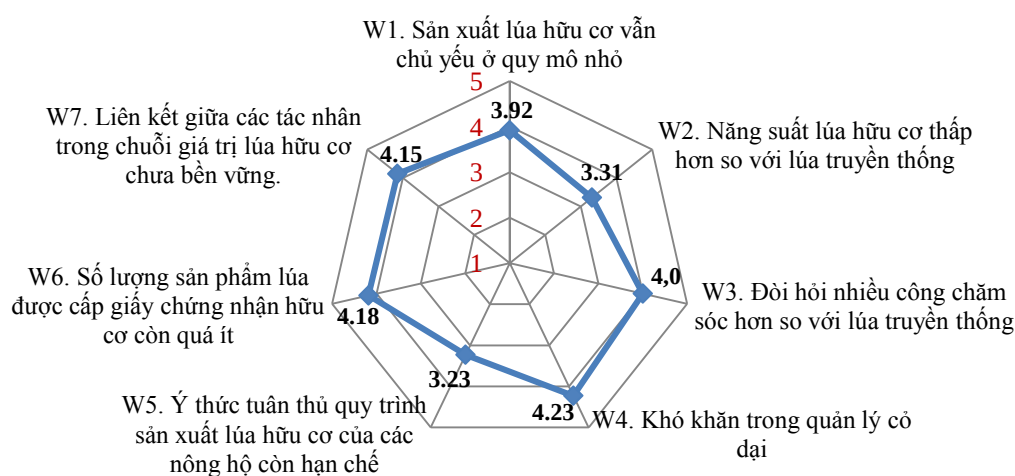
W6. Số lượng sản phẩm lúa được cấp giấy chứng nhận hữu cơ còn quá ít.

Nhiều doanh nghiệp, HTX nông nghiệp và hộ sản xuất lúa hữu cơ trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế đang đối mặt với những khó khăn đáng kể liên quan đến chi phí và quy trình để đạt được giấy chứng nhận. Hiện nay, toàn Tỉnh chỉ có ba sản phẩm lúa hữu cơ được cấp giấy chứng nhận. Cụ thể, Công ty CPTĐ Quế Lâm với 20 ha lúa hữu cơ đã

nhận được giấy chứng nhận từ Công ty TNHH Công nghệ NHONHO. HTX An Lỗ với 21 ha lúa hữu cơ đã đạt được giấy chứng nhận theo tiêu chuẩn TCVN 11041-2:2017 từ công ty chứng nhận và kiểm nghiệm FAO. Trường hợp thứ ba là 5 ha lúa hữu cơ ở xã Phú Mỹ, huyện Phú Vang đã nhận được chứng nhận PGS. Tuy nhiên, trước những khó khăn từ việc thiếu hụt tổ chức kiểm tra và chứng nhận sản phẩm lúa hữu cơ cùng với chi phí cao, cũng như quy mô sản xuất lúa hữu cơ còn nhỏ lẻ, nhận thức kinh doanh của các HTX và hộ sản xuất vẫn còn hạn chế. Điều này thúc đẩy họ chọn lựa sản xuất lúa hữu cơ chủ yếu để cung cấp nguồn lúa gạo sạch và an toàn cho gia đình tiêu thụ.

W7. Liên kết giữa các tác nhân trong chuỗi giá trị lúa hữu cơ chưa bền vững.

Mối liên kết giữa HTX nông nghiệp và các doanh nghiệp thu mua lúa hữu cơ đã tồn tại tại địa bàn nghiên cứu, tuy nhiên, mối liên kết này chưa thực sự bền vững. Theo đánh giá của các chuyên gia, liên kết dọc giữa HTX nông nghiệp và nông dân, cũng như giữa doanh nghiệp và nông dân vẫn còn rời rạc và chưa có hệ thống, làm cho lợi ích của các bên liên quan chưa cao. Đặc biệt, trong trường hợp nghiên cứu tại HTX Phù Bài, thị xã Hương Thủy, hợp đồng sản xuất lúa hữu cơ được ký kết giữa doanh nghiệp và HTX nông nghiệp, tuy nhiên, giữa HTX nông nghiệp và người nông dân chưa có hợp đồng. Vì vậy, vào vụ Hè Thu năm 2023, khi giá lúa hữu cơ trên thị trường tăng cao hơn so với giá lúa mà Công ty Quế Lâm cam kết thu mua trong hợp đồng, nhiều hộ gia đình đã chọn bán lúa cho thương lái. Hành động này của người nông dân đã đưa HTX NN Phù Bài và công ty Quế Lâm vào tình trạng khó khăn. Ngoài ra, năng lực liên kết ngang của các hộ sản xuất lúa hữu cơ với nhau cũng đang còn hạn chế.



Hình 3: Đo lường về điểm yếu trong sản xuất lúa hữu cơ tại Tỉnh Thừa Thiên Huế

(Nguồn: Theo ý kiến đánh giá của các chuyên gia, 2023)

Về phân đánh giá về điểm yếu, các chuyên gia nhất định rằng vấn đề lớn nhất ảnh hưởng đến quá trình sản xuất lúa hữu cơ là quản lý cỏ dại, với điểm số trung bình của W4 là 4,23. Gieo cấy lúa thẳng hàng có thể là giải pháp, tuy nhiên, nó đòi hỏi sự đầu tư vào máy móc và kỹ thuật hiệu quả. Sự phụ thuộc vào máy cấy và máy làm cỏ từ nơi khác, do cơ sở sản xuất chưa đầu tư đủ vào máy móc, thiếu nhân lực vận hành máy và gặp khó khăn kỹ thuật như làm mạ khay, dẫn đến sự thiếu sự chủ động và tăng chi phí sản xuất. Điểm yếu lớn thứ hai trong thực trạng sản xuất lúa hữu cơ tại tỉnh Thừa Thiên Huế là “W6. Số lượng sản phẩm lúa được cấp giấy chứng nhận hữu cơ còn quá ít”, 4,18 điểm theo đánh giá từ các chuyên gia. Thiếu lượng sản phẩm được chứng nhận đã ảnh hưởng đến niềm tin của người sản xuất và tiêu dùng. “W7. Liên kết giữa các tác nhân trong chuỗi giá trị lúa hữu cơ chưa bền vững” cũng được đánh giá là một điểm yếu cần khắc phục, với số điểm đánh giá từ chuyên gia là 4,15. Tiếp theo, điểm yếu “W.1 Sản xuất lúa hữu cơ trên địa bàn Tỉnh Thừa Thiên Huế vẫn chủ yếu ở quy mô và phạm vi nhỏ” được chuyên gia cho điểm trung bình là 3,92. Nguyên nhân một phần của điểm yếu W1 đó là các tác nhân tham gia trong chuỗi giá trị lúa hữu cơ vẫn gặp tình trạng thiếu vốn để đầu tư và mở rộng sản xuất. Điểm yếu về “W2. Năng suất lúa hữu cơ thấp hơn so với lúa truyền thống” được đánh giá với điểm trung bình là 3,31. Điều này có thể được cải thiện qua thời gian khi ruộng được chuyển đổi và thích ứng với sự sử dụng phân bón hữu cơ. Cuối cùng, việc thực hiện sản xuất hữu cơ theo đúng quy trình vẫn gặp khó khăn do tập quán canh tác, sử dụng phân bón, và thuốc BVTV hóa học từ người nông dân. Các chuyên gia cho rằng đây là một điểm yếu với số điểm đánh giá trung bình là 3,23.

4.2.3. Cơ hội (Opportunities)

O1. Nhu cầu và nhận thức về gạo hữu cơ của người tiêu dùng ngày càng tăng.

Trong quá trình kinh tế phát triển và đời sống được nâng cao, nhu cầu đảm bảo an toàn và vệ sinh thực phẩm ngày càng trở nên quan trọng nên việc sản xuất nông sản phải đáp ứng các tiêu chí cao về chất lượng và an toàn. Trong số những sản phẩm được đặc biệt chú ý, gạo hữu cơ đang trở thành một lựa chọn phổ biến vì gạo loại lương thực không thể thiếu cho bữa ăn hàng ngày của người Việt. Sự gia tăng trong nhu cầu này dự kiến sẽ thúc đẩy sự phát triển của ngành sản xuất lúa gạo hữu cơ của cả nước nói chung và Tỉnh Thừa Thiên Huế nói riêng.

O2. Giá lúa hữu cơ cao hơn so với lúa truyền thống.

Trong nghiên cứu của Rada Khoy và đồng nghiệp (2017) tại Campuchia, cũng như của Suneeporn Suwanmaneepong và đồng nghiệp (2020) tại Thái Lan, có thể thấy

rằng giá lúa gạo hữu cơ có xu hướng cao hơn so với lúa gạo truyền thống. Sản xuất lúa hữu cơ đòi hỏi việc xây dựng vùng canh tác đặc biệt, không sử dụng phân bón và thuốc trừ sâu hóa học. Điều này đồng nghĩa với việc yêu cầu nhiều công lao động hơn đối với các khâu như kiểm soát cỏ dại, côn trùng gây hại hay bệnh hại... Bởi vì chi phí sản xuất lúa hữu cơ thường cao hơn so với lúa truyền thống nên giá của lúa gạo hữu cơ nói chung là cao hơn so với lúa gạo thông thường. Điều này cũng đã được chứng minh trong bối cảnh nghiên cứu của tỉnh Thừa Thiên Huế. Theo kết quả nghiên cứu của Nguyễn Văn Thành và đồng nghiệp (2020), tất cả 60 nông hộ tham gia khảo sát năm 2019 tại xã Thủy Phù, thị xã Hương Thủy đều cho rằng khi tham gia liên kết sản xuất lúa hữu cơ, giá lúa hữu cơ được công ty Quế Lâm thu mua cao hơn so với lúa truyền thống. Kết quả từ nghiên cứu của Nguyễn Văn Thành và đồng nghiệp (2020) tại một địa phương khác là xã Phú Lương, huyện Phú Vang cho thấy giá lúa hữu cơ năm 2018 được Công ty Quế Lâm thu mua với giá 8.000 đồng/kg lúa khô, cao hơn giá thu mua lúa truyền thống 1.991 đồng/kg.

O3. Tỉnh Thừa Thiên Huế đã ban hành cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp hữu cơ.

Trong những năm qua, tỉnh Thừa Thiên Huế đã ban hành một số chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp hữu cơ nói chung với mục đích cung cấp thực phẩm sạch, an toàn cho người dân địa phương và khách du lịch. Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Thừa Thiên Huế lần thứ XVI đã đề ra phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp nhiệm kỳ 2020-2025 với nhiều nội dung quan trọng, trong đó ưu tiên phát triển sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, liên kết chuỗi giá trị, gắn với thị trường tiêu thụ, thích ứng với biến đổi khí hậu. Lúa chất lượng cao là cây trồng được xếp hạng ưu tiên đứng thứ 2 trong nhóm sản phẩm nông sản chủ lực của tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2022-2025 (theo Nghị quyết số 20/2020/NQ-HĐND).

Tỉnh cũng ban hành các chính sách huy động các nguồn lực để phát triển nông nghiệp hữu cơ như phân bổ nguồn vốn từ ngân sách nhà nước, huy động nguồn tài trợ của các tổ chức quốc tế, các tổ chức phi chính phủ và các doanh nghiệp...

O4. Nhận được sự hỗ trợ của chính quyền địa phương và các đơn vị nghiên cứu trong việc chuyển giao công nghệ, nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh và hỗ trợ tài chính cho các hộ sản xuất lúa hữu cơ.

Nhiều đề tài, dự án về lúa hữu cơ được hình thành đã hỗ trợ chuyển giao khoa học, kỹ thuật giúp cho các doanh nghiệp và người nông dân trồng lúa hữu cơ trên địa bàn Tỉnh tiếp thu KHCN, đẩy mạnh sản xuất.

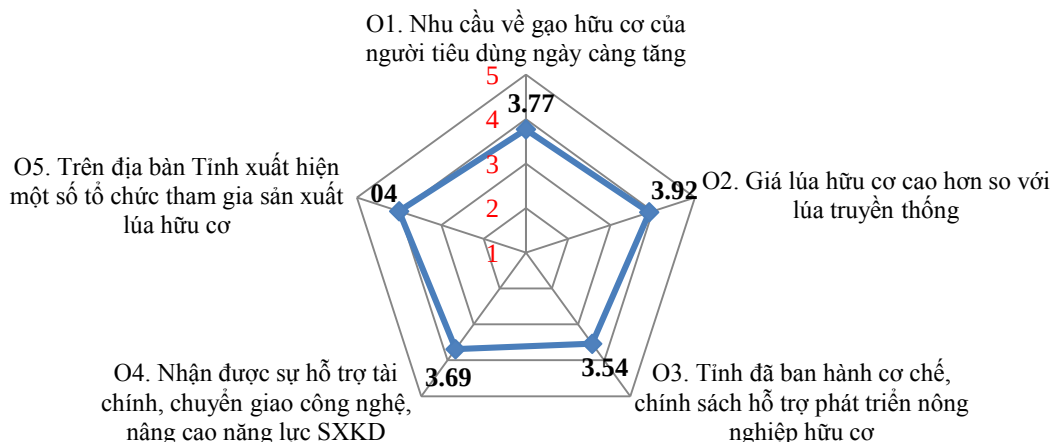
Năm 2018, Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản thuộc Sở NN&PTNT Tỉnh Thừa Thiên Huế đã hỗ trợ kinh phí phân tích mẫu ban đầu để làm hồ sơ, thủ tục đề nghị xác nhận chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn cho gạo hữu cơ của công ty Huế Việt và Quế Lâm. Chi cục cũng đã hỗ trợ Tem điện tử QR code để truy xuất nguồn gốc sản phẩm cho các sản phẩm nông sản trong đó có gạo hữu cơ của hai công ty này.

Từ năm 2020 đến nay, trung tâm Khuyến nông Tỉnh đã triển khai các mô hình sản xuất lúa sử dụng phân hữu cơ vi sinh Quế Lâm để bón lót với diện tích 180-200 ha/năm. Qua đó đã tuyên truyền vận động người dân sử dụng phân hữu cơ vi sinh trong quy trình sản xuất lúa trên địa bàn toàn tỉnh.

Hỗ trợ từ dự án “Thích ứng và chống chịu với biến đổi khí hậu tại tỉnh Thừa Thiên Huế (VIE/433)” do Quỹ Năng lượng và Khí hậu Luxembourg của Bộ Phát triển bền vững và hạ tầng Luxembourg tài trợ trong giai đoạn 2017-2022 đã hình thành nên các tổ, nhóm nông dân PGS sản xuất nông sản hữu cơ liên kết nông hộ, điển hình là lúa hữu cơ ở xã Phú Mỹ.

05. Trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế xuất hiện các tổ chức tham gia sản xuất lúa hữu cơ như công ty Quế Lâm, Huế Việt...

Công ty TNHH MTV Nông sản hữu cơ Quế Lâm (thuộc tập đoàn Quế Lâm) và Công ty TNHH MTV Hữu cơ Huế Việt là hai doanh nghiệp đã xây dựng thương hiệu và uy tín cao về kinh doanh nông sản hữu cơ trên địa bàn Tỉnh. Công ty Quế Lâm đang tham gia nhiều chuỗi liên kết sản xuất lúa hữu cơ với các HTX và nông dân trên địa bàn. Huế Việt được thành lập vào năm 2016 với lĩnh vực hoạt động chính là sản xuất, chế biến các loại nông sản theo hướng hữu cơ. Tại huyện Phong Điền, Công ty và HTX NN An Lễ đã thực hiện liên kết sản xuất, bao tiêu sản phẩm đầu ra với 21 hecta lúa hữu cơ tại xã Phong Hiền. Công ty cũng thực hiện liên kết tiêu thụ sản phẩm đối với lúa hữu cơ được chứng nhận PGS ở xã Phú Mỹ (5 ha). Sự xuất hiện và phát triển của các tổ chức này sẽ là cơ hội để mô hình lúa hữu cơ ở địa bàn nghiên cứu được mở rộng hơn nữa thông qua sự liên kết hỗ trợ bao tiêu sản phẩm cũng như cung cấp các yếu tố đầu vào cho các hộ nông dân.



Hình 4: Đo lường về cơ hội trong sản xuất lúa hữu cơ tại Tỉnh Thừa Thiên Huế

Nguồn: Theo ý kiến đánh giá của các chuyên gia, 2023

Hoạt động của các công ty sản xuất, chế biến các loại nông sản hữu cơ như Quế Lâm, Huế Việt đã thúc đẩy quá trình hình thành và phát triển sản xuất lúa hữu cơ trên địa bàn Tỉnh Thừa Thiên Huế, đây là cơ hội được các chuyên gia đánh giá lớn nhất với điểm số 4,0. Mức giá cao không chỉ mang lại lợi nhuận lớn hơn cho người nông dân mà còn đóng góp quan trọng cho sự phát triển kinh tế trong ngành sản xuất lúa hữu cơ tại Tỉnh Thừa Thiên Huế. Vì vậy, “O2. Giá lúa hữu cơ cao hơn so với lúa truyền thống” là cơ hội lớn tiếp theo theo đánh giá từ phía các chuyên gia với điểm số 3,92. “O1. Nhu cầu và nhận thức về gạo hữu cơ của người tiêu dùng ngày càng tăng” cũng là cơ hội lớn (điểm trung bình 3,77 từ chuyên gia) để Tỉnh mở rộng thị trường tiêu thụ cho lúa hữu cơ bằng cách tăng cường thông tin về lúa hữu cơ cho người tiêu dùng. Ngoài ra, theo đánh giá của các chuyên gia với số điểm 3,69, cơ hội phát triển cho sản xuất lúa hữu cơ mở ra khi nhiều tổ chức, đơn vị nghiên cứu trong và ngoài nước đã tài trợ cho các dự án nâng cao kiến thức về lúa hữu cơ cho nông dân, hỗ trợ cấp giấy chứng nhận lúa hữu cơ... Cuối cùng, các chuyên gia đánh giá và cho điểm 3,54 đối với những cơ chế và chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp hữu cơ của Tỉnh. Điểm số này thấp nhất trong 5 cơ hội giúp thúc đẩy phát triển sản xuất lúa hữu cơ ở Thừa Thiên Huế do Tỉnh vẫn chưa có quy hoạch về sản xuất hữu cơ, chưa có các cơ chế chính sách riêng hỗ trợ cho sản xuất hữu cơ, mà lồng ghép thực hiện trong các chương trình, dự án như chương trình phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, hỗ trợ liên kết sản xuất tiêu thụ nông sản thông qua hợp đồng... Đề án phát triển nông nghiệp hữu cơ tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2022-2026 và định hướng đến 2035 vẫn đang được xây dựng. Ngoài ra, chính sách

và cơ chế cho sản xuất hữu cơ chưa đầy đủ như chính sách về thị trường cho sản phẩm lúa hữu cơ; chính sách đặc thù hỗ trợ cho mô hình liên kết chuỗi...

4.2.4. Thách thức (Threats)

T1. Thị trường vật tư đầu vào sử dụng cho sản xuất lúa hữu cơ chưa phát triển.

Quá trình điều tra cho thấy, cho đến thời điểm nghiên cứu, thị trường các loại vật tư đầu vào cần thiết sử dụng cho sản xuất lúa hữu cơ trên địa bàn Tỉnh chưa thực sự phát triển. Những hộ sản xuất có liên kết với các HTX và doanh nghiệp mới được phần nào hỗ trợ về việc cung ứng các yếu tố đầu vào. Ví dụ như những vùng sản xuất lúa hữu cơ liên kết với Tập đoàn Quế Lâm sẽ được cung ứng đầy đủ phân hữu cơ vi sinh và phân khoáng hữu cơ do Tập đoàn Quế Lâm sản xuất. Tuy nhiên, thuốc BVTV có nguồn gốc sinh học thì người nông dân và HTX phải tự tìm hiểu, mua về để sử dụng. Điều này phần nào gây ảnh hưởng đến quá trình áp dụng và tuân thủ quy trình sản xuất lúa hữu cơ của các hộ sản xuất. Việc quản lý thuốc bảo vệ thực vật phục vụ sản xuất hữu cơ vì vậy cũng gặp nhiều khó khăn hơn.

T2. Giá thu mua lúa hữu cơ của các công ty nhìn chung vẫn thấp.

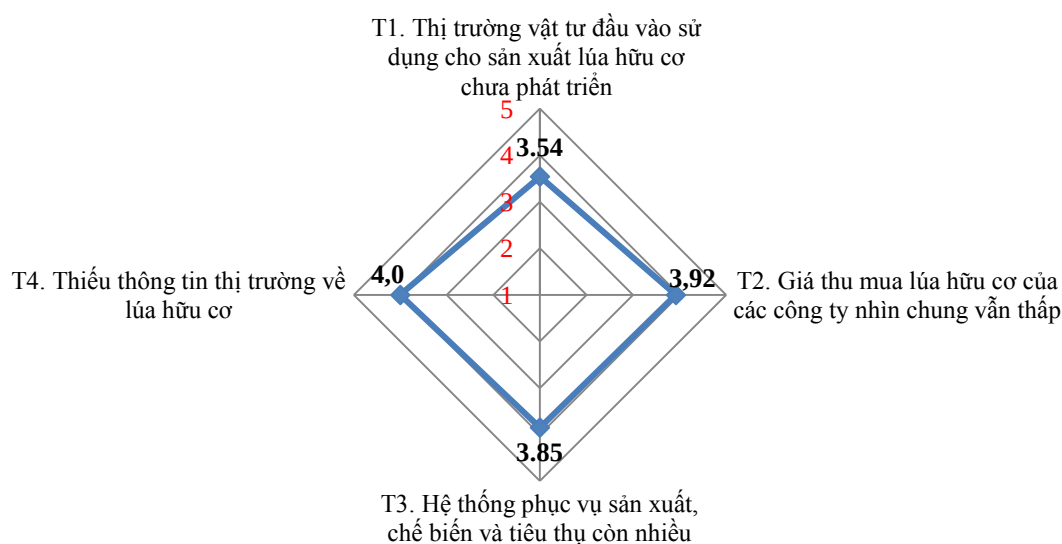
Cùng với sự phát triển của xã hội, đời sống người dân ngày càng cao, nhu cầu tiêu thụ sản phẩm sạch ngày càng tăng lên. Tuy nhiên, so với số đông, xu hướng tiêu dùng sản phẩm hữu cơ vẫn chưa thực sự phổ biến ở Việt Nam nói chung. Thị trường tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp hữu cơ ở địa bàn nghiên cứu hiện nay, vì vậy, cũng chưa thực sự phát triển, chủ yếu tập trung tại trung tâm thành phố Huế và chỉ đặt chú trọng vào một số đối tượng khách hàng nhất định. Để giới thiệu các sản phẩm hữu cơ này đến với khách hàng và mở rộng thị trường cũng như khuyến khích người nông dân áp dụng và duy trì mô hình lúa hữu cơ này, một số doanh nghiệp sử dụng chính sách trợ giá cho cả người sản xuất và người tiêu dùng trong khoảng thời gian đầu. Tuy nhiên, với khả năng tài chính có hạn, các chính sách này thường chỉ được áp dụng trong một thời gian ngắn. Sau khoảng thời gian này, lúa hữu cơ được thu mua với giá cao hơn so với lúa thông thường nhưng không đáng kể. Các sản phẩm lúa được sản xuất theo hướng hữu cơ nhưng chưa được cấp chứng nhận thậm chí được nông dân bán với giá ngang với sản phẩm VietGAP. Trong khi đó, sản xuất theo quy trình hữu cơ có năng suất thấp hơn, yêu cầu sản xuất đòi hỏi khắt khe hơn, chi phí sản xuất cao hơn nên giá thành sản phẩm hữu cơ cao hơn sản phẩm VietGAP. Đây là một thách thức trong việc duy trì và mở rộng diện tích sản xuất hữu cơ của nông dân. Chính vì sức hấp dẫn về thu nhập chưa được chứng minh nên nhiều nông dân chưa muốn chuyển đổi sang sản xuất lúa hữu cơ.

T3. Hệ thống logistics phục vụ sản xuất, chế biến và tiêu thụ lúa gạo hữu cơ trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế còn nhiều hạn chế.

Hiện nay, sản xuất lúa hữu cơ trên địa bàn Tỉnh chủ yếu là để tiêu thụ nội địa. Một vài đơn vị gia công, xay xát, sản xuất gạo, lúa giống cung cấp cho thị trường trong nước, còn lại vẫn chưa có doanh nghiệp lớn nào ở địa bàn nghiên cứu thực hiện chế biến và xuất khẩu gạo hữu cơ sang thị trường nước ngoài.

T4. Thiếu thông tin thị trường về lúa hữu cơ (giá cả, người bán, nhãn hiệu).

Người tiêu dùng chưa thực sự tin tưởng vào chất lượng của lúa hữu cơ và nhận diện được các thương hiệu lúa hữu cơ uy tín trên thị trường. Phần lớn khách hàng đang thiếu thông tin nên nghi ngờ, không phân biệt được giữa sản phẩm sản xuất hữu cơ và các sản phẩm thông thường khác nên niềm tin của người tiêu dùng về các sản phẩm gạo hữu cơ hiện nay còn thấp.



Hình 5: Đo lường về thách thức trong sản xuất lúa hữu cơ tại

Tỉnh Thừa Thiên Huế

Nguồn: Theo ý kiến đánh giá của các chuyên gia, 2023

Ngoài những thách thức chung trong phát triển nông nghiệp như biến đổi khí hậu (hạn, mặn kéo dài), tình hình thời tiết diễn biến phức tạp và ảnh hưởng của dịch bệnh, thực trạng sản xuất lúa hữu cơ tại tỉnh Thừa Thiên Huế đang đối mặt với một số thách thức quan trọng. Theo đánh giá của các chuyên gia, thách thức lớn nhất là “T4. Thiếu thông tin thị trường về lúa hữu cơ (giá cả, người bán, nhãn hiệu)” với điểm trung bình là 4,0. Sự thiếu hụt thông tin thị trường gây khó khăn cho việc quản lý và đưa ra quyết định trong sản xuất lúa hữu cơ. Tiếp theo là vấn đề về giá thu mua lúa hữu cơ trên thị

trường, được đánh giá bởi các chuyên gia với điểm trung bình là 3,92. Giá thu mua ảnh hưởng trực tiếp đến thu nhập của người nông dân và là một khía cạnh quan trọng trong việc khuyến khích sản xuất lúa hữu cơ. Một thách thức khác là hệ thống logistics phục vụ sản xuất, chế biến và tiêu thụ lúa gạo hữu cơ trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế chưa phát triển, đạt điểm đánh giá 3,85 từ chuyên gia. Sự thiếu hụt này có thể tạo ra cản trở trong quá trình sản xuất và tiếp thị sản phẩm lúa hữu cơ. Cuối cùng, thách thức “T1. Thị trường vật tư đầu vào sử dụng cho sản xuất lúa hữu cơ chưa phát triển” được chuyên gia đánh giá 3,54 điểm. Sự hạn chế trong đa dạng vật tư đầu vào có thể làm giảm sự linh hoạt và lựa chọn cho người sản xuất lúa hữu cơ. Tóm lại, việc đối mặt với những thách thức này đòi hỏi sự hỗ trợ và chính sách thông tin hiệu quả từ chính quyền và các tổ chức liên quan để thúc đẩy phát triển bền vững của ngành sản xuất lúa hữu cơ tại Thừa Thiên Huế.

5. Kết luận và kiến nghị

Trong những năm gần đây, nông nghiệp hữu cơ đang là xu hướng phát triển tất yếu trên thế giới nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng sản phẩm sạch, an toàn cho sức khỏe của con người cũng như đảm bảo sự bền vững cho môi trường. Thừa Thiên Huế là một tỉnh đa dạng cảnh quan từ miền núi, gò đồi đến đồng bằng, vùng ven biển gắn với nhiều địa danh nổi tiếng trong cả nước và quốc tế. Nếu các cơ sở sản xuất kinh doanh và hộ gia đình biết tận dụng lợi thế xây dựng chuỗi liên kết phục vụ du lịch kết nối với nông nghiệp hữu cơ và bảo vệ môi trường sẽ tạo đà thúc đẩy sinh kế hộ và kinh tế Thừa Thiên Huế theo hướng an toàn và bền vững.

Đánh giá các điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức trong quá trình sản xuất lúa hữu cơ tại tỉnh Thừa Thiên Huế kết hợp với thang đo Likert trong phỏng vấn chuyên gia đã chỉ ra những vấn đề quan trọng cần được giải quyết để thúc đẩy phát triển ngành nông nghiệp này. Do đó, nghiên cứu này sẽ là nền tảng quan trọng cho các nghiên cứu tiếp theo, nhằm xác định những yếu tố quan trọng nhất để phát triển sản xuất lúa hữu cơ và đưa ra những gợi ý chuyên sâu cho những nhà hoạch định chính sách, nhằm tận dụng đúng tiềm năng phát triển sản xuất lúa hữu cơ trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

Từ kết quả nghiên cứu cho thấy, để nâng cao tiềm năng sản xuất và tiêu thụ lúa hữu cơ, Tỉnh Thừa Thiên Huế cần hỗ trợ các HTX, doanh nghiệp đa dạng hóa các chiến lược truyền thông để quảng bá các sản phẩm gạo hữu cơ đến người tiêu dùng, đồng thời thường xuyên thông tin các điểm bán sản phẩm an toàn để người tiêu dùng biết, lựa chọn. Đẩy mạnh hoạt động xúc tiến thương mại, tìm kiếm thị trường tiêu thụ cho sản phẩm lúa hữu cơ bằng cách tham gia các sàn thương mại điện tử để kết nối tiêu thụ sản

phẩm; kết hợp giữa phương thức phân phối truyền thống với phân phối hiện đại tăng sản lượng tiêu thụ sản phẩm và nâng cao giá trị sản phẩm.

Bên cạnh đó, Tỉnh cần đánh giá lại quy trình sản xuất lúa hữu cơ của các địa phương vẫn chưa được giấy chứng nhận lúa hữu cơ trên các phương diện như quản lý, chất lượng, thương mại sản phẩm... để tìm ra những khó khăn, đề xuất giải pháp phù hợp cho phát triển lúa hữu cơ. Những chính sách hỗ trợ tới các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh các mặt hàng phân bón và thuốc bảo vệ thực vật có nguồn gốc hữu cơ, sinh học.... cũng rất cần thiết khi thị trường này vẫn chưa phát triển. Duy trì và nhân rộng các mô hình sản xuất hữu cơ đã ổn định, có hiệu quả như HTX An Lỗ, HTX Phú Mỹ, mở các lớp tham quan mô hình đã đạt thành tựu tốt trong sản xuất lúa hữu cơ nhằm tăng động lực cho người nông dân tham gia sản xuất lúa hữu cơ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Bộ Tài nguyên và Môi trường (2023), *Quyết định số 719/QĐ-BTNMT ngày 24/3/2023: Phê duyệt và công bố kết quả thống kê diện tích đất đai của cả nước năm 2021*, Truy cập từ <https://monre.gov.vn/Pages/quyet-dinh-so-719qd-btnmt.aspx>

Bunga Hidayati et al. (2019), Investigation of production efficiency and socio-economic factors of organic rice in Sumber Ngepoh District, Indonesia, *Journal of Central European Agriculture*, 20(2), p.748-758, DOI: /10.5513/JCEA01/20.2.2143.

Chính phủ Việt Nam (2018), *Nghị định số 109/2018/NĐ-CP ngày 29/8/2018 của Chính phủ về nông nghiệp hữu cơ*.

Research Institute of Organic Agriculture (FiBL), IFOAM – Organics International (2023), *The World of Organic Agriculture Statistics and Emerging Trends 2023*, Edited by Helga Willer, Bernhard Schlatter and Jan Trávníček

Itthiphon Woranoot (2009), *Implications of organic farming in development: experiences from organic rice farms in Northeastern Thailand*, Truy cập từ <https://vanban.chinhphu.vn/default.aspx?pageid=27160&docid=194623>

K. Surekha et al. (2010). Status of organic farming and research experiences in rice. *Journal of Rice Research* Vol.3 No.1, pp. 23-35.

Nguyễn Tiến Dũng, Võ Trọng Thức, Lê Thị Hoa Sen, Lê Văn Nam, Nguyễn Văn Thành, Hoàng Gia Hùng (2021). Đánh giá tiềm năng sản xuất và tiêu thụ lúa hữu cơ của các hợp tác xã nông nghiệp tại Thừa Thiên Huế. *Tạp chí Khoa học và Công nghệ Việt Nam*, số 10, tập 63, 5-11, DOI: 10.31276/VJST.63(10).05-11.

Nguyễn Văn Thành, Nguyễn Viết Tuấn, Lê Văn Nam, Phan Thiện Phước, Nguyễn Thị Ái Vân, Lê Việt Linh, Mai Thu Giang (2020), Thực trạng hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ lúa hữu cơ ở xã Thủy Phù, thị xã Hương Thủy, Thừa Thiên Huế. *Tạp*

chí Khoa học Đại học Huế: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, tập 129, số 3A, 43-55, DOI: 10.26459/hueuni-jard.v129i3A.5445

Nguyễn Văn Thành, Nguyễn Việt Tuấn, Cao Thị Thuyết, Nguyễn Thiện Tâm, Nguyễn Xuân Cảnh, Lê Văn Nam, Lê Việt Linh (2020), Hiệu quả kinh tế sản xuất lúa hữu cơ theo hợp đồng ở tỉnh Thừa Thiên Huế: trường hợp nghiên cứu ở xã Phú Lương. *Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam* 2020, 18(8), 553-561.

Niemeyer, K., & Lombard, J. (2003), Identifying problems and potential of the conversion to organic farming in South Africa. Paper presented at *the 41st annual conference of the Agricultural Economic Association of South Africa (AEASA)*, October 2-3, 2003, Pretoria, South Africa.

Rada Khoy, Teruaki Nanseki, Yosuke Chomei (2017). Farmers' Perceptions of Organic Rice Farming in Cambodia: Opportunities and Challenges. *International Journal of Humanities and Social Science*, vol. 7, no. 4, pp. 92-103.

Research Institute of Organic Agriculture (FiBL) and IFOAM - Organics International (2023).

The World of Organic Agriculture Statistics and Emerging Trends 2023. Edited by Helga Willer, Bernhard Schlatter and Jan Trávníček.

Sa Kennvidy (2011) Organic Rice Farming Systems in Cambodia: Socio-economic Impact of Smallholder Systems in Takeo Province. *International Journal of Environmental and Rural Development* 2–1, pp. 115-119.

Schneeberger, W., Darnhofer, I., & Eder, M. (2002), Barriers to the adoption of organic farming by cash-crop producers in Austria. *American Journal of Alternative Agriculture*, 17(01), 24-31.

Sở NN&PTNT Tỉnh Thừa Thiên Huế (2023), *Báo cáo số 1412/BC-SNNPTNT ngày 28 tháng 6 năm 2023: Tình hình sản xuất nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế*.

Suneeporn Suwanmaneepong, Chanhathai Kerdsriserm, Norden Lepcha, Harry Jay Cavite & Christopher Almoroto Llonas (2020). Cost and return analysis of organic and conventional rice production in Chachoengsao Province, Thailand. *Organic Agriculture*, 10, pp. 369-378. <https://doi.org/10.1007/s13165-020-00280-9>

Teodoro C. Mendoza (2004), Evaluating the benefits of organic farming in rice agroecosystems in the Philippines, *Journal of Sustainable Agriculture*, Volume 24-Issue 2, pp. 93-115. https://doi.org/10.1300/J064v24n02_09

Thủ tướng Chính phủ (2020). Quyết định số 885/QĐ-TTg ngày 23/06/2020: Phê duyệt Đề án phát triển nông nghiệp hữu cơ giai đoạn 2020-2030. Truy cập từ <https://vanban.chinhphu.vn/default.aspx?pageid=27160&docid=200315>

T Karyani, F Arifin, H Hapsari and E Supriyadi (2018). Organic rice farming for sustainable development in the Nurani Sejahtera farmers group. *Conference on Sustainability Science 2018*, IOP Conference Series: Earth and Environmental Science 306 (2019) 012013. DOI 10.1088/1755-1315/306/1/012013.

SWOT ANALYSIS OF THE CURRENT STATUS OF ORGANIC RICE PRODUCTION IN THUA THIEN HUE PROVINCE

Tran Hong Hieu, Ton Nu Hai Au

Abstract. This study employs the SWOT analysis method and Likert scale to gather opinions from experts and relevant parties. The objective is to analyze and quantify the strengths, weaknesses, opportunities, and challenges in the current of organic rice production in Thua Thien Hue Province. Ensuring stable output has been identified as the most significant strength in organic rice production, as assessed by experts, with an average rating of 3.69. The linkage in organic rice consumption helps safeguard the interests of farmers against market fluctuations, such as situations where traders exert price pressure or seasonal price drops. Regarding weaknesses, experts unanimously agree that the most significant issue affecting organic rice production is weed management, evaluated with an average score of 4.23. With a score of 4.0, the activities of organic production and processing companies, such as Que Lam and Hue Viet, are assessed to provide significant opportunities to stimulate the formation and development of organic rice production in the province. According to expert evaluations, the most prominent challenge is the “Lack of market information on organic rice (prices, sellers, brands)”, with an average score of 4.0. Based on the results of this research, several suggestions for solutions to promote organic rice production in Thua Thien Hue Province have been proposed.

Keywords: SWOT; Organic rice; Thua Thien Hue province; Likert scale.